

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 1178/2017/HNST

Ngày: 11-9-2017

V/v Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hứa Minh Tân.
Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Diệp Lê Quỳnh Anh – Thư ký
Toà án, Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông
Nguyễn Hữu Nghĩa – Kiểm sát viên.

Vào ngày 11 tháng 9 năm 2017 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 466/2015/HNST, ngày 03 tháng 11 năm 2015; về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1850/2017/QĐ-ST ngày 22/8/2017 giữa:

Nguyên đơn: **Bà Phạm Thu T**, sinh năm 1975. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Phòng 19.06 chung cư AH, phường AP, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: **Ông Đinh Văn K**, sinh năm 1967. (vắng mặt)

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: HB, B, 146 KV, Czech Republic.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn – bà Phạm Thu T trình bày:

Bà và ông Đinh Văn K kết hôn năm 2009, đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 547, quyển số 03, ngày 25/9/2009 do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu ông K thường xuyên về Việt Nam thăm gia đình, nhưng sau đó ông không còn liên lạc và chăm lo cho

bà T và con nữa. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Phạm Thu T yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: xin được ly hôn với ông Đinh Văn K.

- Về con chung: ông bà có 01 con chung là Đinh Phạm Khánh L, sinh ngày 06/11/2005. Bà Thuỷ T xin được quyền nuôi con và không yêu cầu ông K cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không có.

Do không thể tham dự phiên tòa nên bà Phạm Thu T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ, hòa giải, xét xử. Các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền của mình, phiên tòa được thực hiện đúng trình tự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật để giải quyết, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thu T và ông Đinh Văn K có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 547, quyển số 03, ngày 25/9/2009 do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp là tự nguyện, hợp pháp.

Tại đơn đề ngày 02/12/2015, bà Phạm Thu T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, xét đơn của bà T hợp lệ nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà.

Về phía ông Đinh Văn K hiện đang cư trú ở Cộng Hoà Séc, trước khi xét xử, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã 02 (hai) lần gửi công văn yêu cầu ông Đinh Văn K trình bày ý kiến về việc ly hôn với bà Phạm Thu T và quyền nuôi dưỡng trẻ Đinh Phạm Khánh L; đồng thời 02 (hai) lần gửi công văn cho Đại sứ quán của nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam tại Cộng Hoà Séc và Bộ tư pháp đề nghị tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp thông báo về việc thụ lý vụ án ly hôn giữa bà Phạm Thu T – ông Đinh Văn K và ngày giờ Tòa án mở phiên hoà giải, xét xử vụ án, nhưng ông Đinh Văn K không có bất kỳ văn bản trình bày ý kiến gửi về. Xét việc ủy thác tư pháp đã thực hiện theo đúng quy

định pháp luật và Bộ tư pháp đã có công văn trả lời số 32/BTP-PLQT ngày 08/01/2016 và số 6026/BTP-PLQT ngày 22/12/2016 nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Đinh Văn K.

Theo bản tự khai của bà Phạm Thu T: bà và ông Đinh Văn K kết hôn vào năm 2009, ông bà có 01 con chung là trẻ Đinh Phạm Khánh L, sinh ngày 06/11/2005. Sau khi kết hôn ông Đinh Văn K quay về Cộng Hoà Séc, thời gian đầu có về thăm gia đình, nhưng sau đó không về Việt Nam, không liên lạc về cho vợ và con nữa.

Xét cuộc sống chung giữa bà Phạm Thu T và ông Đinh Văn K, do khoảng cách địa lý, ông K bà T thực tế không sống gần nhau, tình cảm vợ chồng không được vun đắp, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên đơn yêu cầu ly hôn là chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung:

Ông Đinh Văn K và bà Phạm Thu T có 01 (một) con chung là trẻ Đinh Phạm Khánh L, sinh ngày 06/11/2005. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc xin được quyền nuôi con và không yêu cầu ông Đinh Văn K cấp dưỡng, Hội đồng xét xử xét thấy thực tế hiện nay, trẻ Đinh Phạm Khánh L đang sống cùng với mẹ là bà Phạm Thu T, bà T hiện đang là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Khánh L.

Đồng thời, tại Bản tự khai ngày 03/12/2015 trẻ Đinh Phạm Khánh L cho biết có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Do đó theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, các bên đương sự không thoả thuận về người trực tiếp nuôi con và theo nguyện vọng của con, Hội đồng xét xử chấp nhận giao trẻ Đinh Phạm Khánh L cho mẹ là bà Phạm Thu T trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tại Đơn khởi kiện cũng như Bản tự khai tại Toà, bà Phạm Thu T không yêu cầu ông Đinh Văn K phải cấp dưỡng nuôi con, xét yêu cầu này của bà T là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thu T, cụ thể:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thu T được ly hôn ông Đinh Văn K.

2/ Về con chung:

Bà Phạm Thu T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đinh Phạm Khánh L sinh ngày 06/11/2005, không yêu cầu ông Đinh Văn K cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đinh Văn K có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên có thể xin thay đổi quyền nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Tòa án không xét.

4/ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Phạm Thu T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 09489 ngày 29/10/2015 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Phạm Thu T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án. Ông Đinh Văn K được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu/24

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đình Đức